

Bản án số: 51/2017/HS-ST

Ngày: 29/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Nho.

2/ Bà Lâm Thị Kiều Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bảo Vân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2017 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2017/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Kim S, sinh năm 1980 tại tỉnh Tây Ninh; Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không có; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (chết) và bà Nguyễn Thị K (chết); có chồng là Nguyễn Duy H (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2012, hiện đang ở cùng cha; tiền án, tiền sự: Không có. Bị bắt giam từ ngày 12/7/2017 đến nay.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964; ông Tạ Văn M, sinh năm 1955. Nơi ĐKNKTT: Đường C, phường D, quận H, thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Số 12345, khu phố A, phường CTB, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người làm chứng: Ông Bùi Đức L1, sinh năm 1963; bà Bùi Thị T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn B, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Kim S là em ruột của bà Nguyễn Thị X, thường đến nhà bà X chơi và phụ giúp nên biết bà X cất tài sản trong két sắt để tại phòng ngủ, đồng thời biết vị trí cất chìa khóa.

Ngày 11/3/2017, S đến nhà bà X phụ giúp làm đám “tiên thường”. Lợi dụng lúc người trong nhà bận tiếp khách, S vào phòng ngủ của bà X lấy chìa khóa để phía sau ti vi để mở két sắt, lấy từ trong két sắt ra hộp kim loại màu nâu. S mở hộp thấy bên trong chứa nhiều vàng thỏi SJC nên lấy vàng ra cất vào người, để hộp vào và khóa két sắt, cất chìa khóa lại vị trí cũ sau đó đi đến nhà kho cất số vàng này vào túi xách. S ở lại nhà bà X phụ giúp giỗ đến tối ngày 12/3/2017 thì lấy túi xách ra về. Sau khi rời khỏi nhà bà X, S kiểm tra biết số vàng lấy được là 30 thỏi vàng SJC 9999, tổng cộng là 30 lượng.

Tháng 6/2017, S đến nhà bà X với mục đích tiếp tục lấy trộm tài sản. Khi người trong nhà bận việc ở phía sau, S đi vào phòng ngủ của bà X, lấy chìa khóa cất dưới quần áo trong tủ, mở két sắt lấy 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K nặng 5,2924 lượng, 01 sợi dây đeo tay (lắc) bằng vàng 24K nặng 2,1128 lượng, 01 sợi dây đeo tay vàng 18K nặng 1,7758 lượng. Sau khi lấy xong, S khóa két sắt, cất chìa khóa lại vị trí cũ và rời đi.

Ngày 09/7/2017 bà X phát hiện vàng trong két sắt mất, đến ngày 10/7/2017 bà trình báo cơ quan công an. Ngày 11/7/2017, chồng bà X là ông Tạ Văn M lần lượt nói chuyện riêng với người giúp việc và S về việc mất trộm, S thừa nhận sự việc sau đó tự đi lấy số vàng trộm lần thứ hai về giao trả cho bà X và đến cơ quan chức năng đầu thú.

Đối với số vàng trộm lần đầu, S khai nhận đã bán 16 lượng cho tiệm vàng K (Tp. Hồ Chí Minh) lấy tiền tiêu xài và trả nợ hết. Quá trình điều tra không thu hồi được số vàng này do không có hóa đơn chứng từ khi bán, cũng không xác minh được người được S trả nợ. Còn lại 14 lượng S để trong túi xách cất dưới giường trong phòng ngủ của vợ chồng ông Bùi Đức L và bà Bùi Thị T, ông L1 phát hiện nên đã giao nộp cho cơ quan chức năng, đến ngày 09/8/2017 bà X đã được nhận lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTSTTTTHS ngày 09/8/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự tỉnh Tây Ninh kết luận: 30 lượng vàng SJC 9999 giá 1.084.800.000 đồng; 01 dây chuyền vàng 24K trọng lượng 5,2924 lượng giá 178.576.160 đồng; 01 lắc tay vàng 24K trọng lượng 2,1128 lượng giá 71.290.090 đồng; 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 1,7758 lượng giá 44.116.190 đồng. Tổng cộng là 1.378.782.440 đồng.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng:

Tài sản của bà Nguyễn Thị X và ông Tạ Văn M, đã giao trả xong: 01 kết sắt, 02 hộp bằng kim loại, 01 hộp nhựa, 02 bọc nhựa, 01 ổ cứng hiệu SEAGATE, 01 sợi dây chuyền vàng 24K, 01 sợi lắc đeo tay bằng vàng 24K, 01 sợi lắc đeo tay bằng vàng 18K, 02 khâu chìa khóa và 14 thẻ vàng SJC 9999.

Thu giữ của bị cáo S:

- Tiền giấy (chưa kiểm tra thật giả): Tiền Việt Nam: 77.000.000 đồng; tiền Malaysia: 01 tờ mệnh giá 01 Ringgit; tiền Nhật Bản: 01 tờ mệnh giá 1000 Yên; tiền Mỹ: 03 tờ mệnh giá 01 USD, 03 tờ mệnh giá 02 USD, 01 tờ mệnh giá 05 USD, 01 tờ mệnh giá 10 USD, 01 tờ mệnh giá 20 USD; tiền Campuchia: 03 tờ mệnh giá 100 Riel, 01 tờ mệnh giá 500 Riel, 01 tờ mệnh giá 1.000 Riel, 22 tờ mệnh giá 5.000 Riel, 09 tờ mệnh giá 10.000 Riel.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5A màu trắng, số IMEI 352008069883632; 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số IMEI 358843051064344; 01 đồng hồ “Tissot” màu trắng; 01 (một) nhẫn vàng 18K có đính nhiều hạt màu trắng và một hạt màu nâu đỏ.

- 01 (một) áo khoác nữ vải thun, màu xanh; 01 (một) túi xách vải màu đỏ, có dây kéo; 01 túi xách màu xám “Calvin Klein”; 01 (một) ví da kiểu nữ, màu đen, sọc ca-rô; 02 (hai) cây son, 03 (ba) bút vẽ chân mày, 01 (một) cây nhíp;

- 1 (một) thẻ vipcard của TT số 77799902075 cấp ngày 04/11/2010; 01 (một) thẻ Coopmart số 7171290; 01 (một) thẻ “Club Diamond” số 0515081275; 01 (một) thẻ thành viên Aeon số 10002527540000; 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank Success số 4862836825292192; 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank số 9704050663046998; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 290642024; 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số AA953306; 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số 791159164366. Tất cả đều mang tên Nguyễn Thị Kim S.

- 01 (một) thẻ Gstar Galaxy Cinema số 1001412248 và 01 (một) thẻ bệnh nhân số 1603906 của Nguyễn Thị Kim S.

Thu giữ từ bị cáo S, được xác định là tài sản của ông Nguyễn Văn H: 01 (một) thẻ ngân hàng ACB số 9704162005746134 mang tên Nguyễn Văn H. Ông H có yêu cầu tiêu hủy.

Về bồi thường thiệt hại: Bà X yêu cầu bồi thường 100.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số 16/QĐ/KSĐT-P3 ngày 15/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Thị Kim S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự; đề nghị xử lý vật chứng theo quy định tại Điều 41 của Bộ luật Hình sự, Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, buộc bị can bồi thường thiệt hại theo quy định tại Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội. Bị hại nộp “Đơn xin bãi nại” và “Giấy nhận trả nợ”, xác nhận đã được anh ruột của bị cáo là ông Nguyễn Văn L tự nguyện bồi thường thiệt hại 504.000.000 đồng; yêu cầu được nhận 70.000.000 đồng tiền bị cáo bán vàng còn lại, cộng với số tiền ông L giao thì đã đền bù đầy đủ thiệt hại xong, không yêu cầu bồi thường thêm; đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn L trình bày không yêu cầu bị cáo trả lại tiền đã bồi thường thay; ông Nguyễn Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu tiêu hủy thẻ ATM đứng tên ông do không còn nhu cầu sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên nội dung truy tố và các vấn đề đã nêu tại cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 47, điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 10 đến 12 năm tù.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin lỗi và mong bị hại tha thứ; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị Kim S thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với kết quả thu giữ vật chứng, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có căn cứ xác định: Từ tháng 3/2017 đến tháng 6/2017, do biết bà X cất tài sản

trong két sắt đặt trong phòng ngủ tại nhà và biết được nơi cất chìa khóa, lợi dụng sự tin tưởng của những người trong nhà nên S đã hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của vợ chồng bà X và ông M, gồm: 30 thẻ vàng SJC 9999 trọng lượng 30 lượng, 01 sợi dây chuyền bằng vàng 24K nặng 5,2924 lượng, 01 sợi dây đeo tay (lắc) bằng vàng 24K nặng 2,1128 lượng, 01 sợi dây đeo tay vàng 18K nặng 1,7758 lượng; tổng giá trị tài sản đã trộm là 1.378.782.440 đồng. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Thị Kim S phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 của Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo vì mục đích tư lợi, ích kỷ nên đã trộm cắp tài sản mà chi ruột của bị cáo tích góp có được, thể hiện sự xem thường tình yêu thương gia đình đối với bị cáo, xem thường pháp luật. Vụ án mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm đối với bị cáo nhằm đảm bảo tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội, thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự; sau khi phạm tội đã tự nguyện giao trả cho bị hại một phần tài sản đã trộm nhưng chưa tiêu xài và đầu thú về hành vi phạm tội; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường cho bị hại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Do đó, có căn cứ áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản truy tố, chấp nhận đề nghị của của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm mà mình thực hiện; cần thiết xử phạt bị cáo một mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, cách ly ra khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bà Nguyễn Thị X và ông Tạ Văn M đã nhận lại 14 lượng vàng SJC 9999 và toàn bộ số vàng bị mất trộm lần thứ hai, còn 16 lượng vàng bị cáo đã bán tiêu xài chỉ thu hồi được 70.000.000 đồng (trong số tiền 77.000.000 đồng tang vật thu giữ của bị cáo). Tại phiên tòa, bị hại có yêu cầu được nhận số tiền 70.000.000 đồng tang vật để bù đắp một phần thiệt hại là có căn cứ chấp nhận, đồng thời trình bày đã được anh ruột của bị cáo là ông Nguyễn Văn L tự nguyện bồi thường 504.000.000 đồng, cộng với số tiền thu hồi được từ bị cáo thì thiệt hại đã được bồi thường xong,

bị hại không yêu cầu gì thêm; ông L trình bày không yêu cầu bị cáo trả lại. Như vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận việc bồi thường đã được thỏa thuận xong, không đặt ra tiếp tục giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 41 của Bộ luật Hình sự;

Giao trả cho bà X và ông M số tiền 70.000.000 đồng.

Hoàn trả cho bị cáo S: Số tiền Việt Nam 7.000.000 đồng và các loại tiền giấy khác, điện thoại di động, đồng hồ, nhẫn vàng, giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe, thẻ ngân hàng. Tiêu hủy các tài sản của bị cáo mà bị cáo xác định không còn giá trị sử dụng gồm: Áo khoác, túi xách, ví da, son, bút vẽ chân mày, nhíp và các loại thẻ còn lại. Tiêu hủy 01 (một) thẻ ngân hàng ACB số 9704162005746134 mang tên Nguyễn Văn H theo yêu cầu của ông H.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự, các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm do bị kết án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Kim S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 138; các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim S 10 (mười) năm tù.

Thời hạn chấp hành chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2017.

2. Trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận bị cáo và gia đình đã bồi thường thiệt hại xong cho bị hại.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự; Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự

Giao trả cho bà Nguyễn Thị X và ông Tạ Văn M số tiền Việt Nam: 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng.

Hoàn trả cho bị cáo Nguyễn Thị Kim S:

- 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank Success số 4862836825292192, 01 (một) thẻ ngân hàng Agribank số 9704050663046998, 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 290642024, 01 (một) giấy phép lái xe hạng A1 số AA953306 và 01 (một) giấy phép lái xe hạng B2 số 791159164366 mang tên Nguyễn Thị Kim S;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 5A màu trắng, số IMEI 352008069883632;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng, số IMEI 358843051064344;

- 01 (một) đồng hồ “Tissot” màu trắng;

- 01 (một) nhẫn vàng 18K có đính nhiều hạt màu trắng xung quanh một hạt màu nâu đỏ;

- Tiền Việt Nam: 7.000.000 (bảy triệu) đồng; tiền Malaysia: 01 (một) tờ mệnh giá 01 (một) Ringgit; tiền Nhật Bản: 01 (một) tờ mệnh giá 1000 (một nghìn) Yên; tiền Mỹ: 03 (ba) tờ mệnh giá 01 (một) USD, 03 (ba) tờ mệnh giá 02 (hai) USD, 01 (một) tờ mệnh giá 05 (năm) USD, 01 (một) tờ mệnh giá 10 (mười) USD, 01 (một) tờ mệnh giá 20 (hai mươi) USD; tiền Campuchia: 03 (ba) tờ mệnh giá 100 (một trăm) Riel, 01 (một) tờ mệnh giá 500 (năm trăm) Riel, 01 (một) tờ mệnh giá 1.000 (một nghìn) Riel, 22 (hai mươi hai) tờ mệnh giá 5.000 (năm nghìn) Riel, 09 (chín) tờ mệnh giá 10.000 (mười nghìn) Riel.

Tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) áo khoác nữ vải thun, màu xanh; 01 (một) túi xách vải màu đỏ, có dây kéo; 01 (một) túi xách màu xám “Calvin Klein”; 01 (một) ví da kiểu nữ, màu đen, sọc ca-rô; 02 (hai) cây son; 03 (ba) bút vẽ chân mày; 01 (một) cây nhíp;

- 01 (một) thẻ vipcard của TT số 77799902075 cấp ngày 04/11/2010, 01 (một) thẻ Coopmart số 7171290, 01 (một) thẻ “Club Diamond” số 0515081275, 01 (một) thẻ thành viên Aeon số 10002527540000 mang tên Nguyễn Thị Kim S;

- 01 (một) thẻ Gstar Galaxy Cinema số 1001412248 và 01 (một) thẻ bệnh nhân số 1603906 của Nguyễn Thị Kim S;

- 01 (một) thẻ ngân hàng ACB số 9704162005746134 mang tên Nguyễn Văn H.

Tất cả các vật chứng nêu trên hiện do Cục thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh quản lý.

4. Án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho bị cáo và những người tham gia tố tụng biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Riêng người vắng mặt được quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VP CQCSĐT CA tỉnh;
- Phòng PV 27 CA Tây Ninh;
- Sở Tư pháp tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Trại tạm giam;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Vân